

ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VÀ THỰC VẬT CÓ TÍNH DẦU Ở XÃ YÊN NINH, HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Đinh Thị Phụng^{1*}, Nguyễn Thị Diễm Hằng²

¹Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên,

²Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài báo trình bày những kết quả nghiên cứu về nguồn tài nguyên thực vật làm thuốc và thực vật có tính dầu ở xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hệ thực vật có giá trị làm thuốc và chứa tinh dầu đã thống kê được 287 loài, 223 chi, 101 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch: Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta), Mộc lan (Magnoliophyta). Trong đó, thực vật có giá trị làm thuốc có 282 loài (chiếm 98,26%), 221 chi, 100 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, 45 loài thực vật có chứa tinh dầu, phân bố trong 30 chi, 18 họ của ngành Mộc lan (Magnoliophyta). Các loài thực vật làm thuốc và có tính dầu đều có 4 nhóm dạng sống cơ bản (Thân gỗ, thân thảo, thân bụi và thân leo), trong đó dạng sống thân thảo chiếm ưu thế. Ở khu vực nghiên cứu cũng đã xác định được 16 loài thực vật quý hiếm thuộc diện cần bảo tồn.

Từ khoá: *Thực vật làm thuốc, thực vật chứa tinh dầu, đa dạng thực vật, thực vật quý hiếm*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đa dạng sinh học có vai trò rất quan trọng đối với việc duy trì các chu trình tự nhiên và cân bằng sinh thái. Nhưng hiện nay, nguồn tài nguyên đa dạng sinh học nói chung và nguồn tài nguyên thực vật nói riêng đang bị suy giảm nghiêm trọng. Nhiều loài thực vật bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng, một số loài đã và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng do việc khai thác tài nguyên thực vật (đặc biệt là các cây làm thuốc, cây chứa tinh dầu) để sản xuất thuốc, chữa bệnh và buôn bán. Hoạt động này không chỉ đơn thuần làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thực vật mà còn gây thiệt hại lớn về kinh tế đối với quốc gia và địa phương.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đa dạng sinh học nói chung và nguồn tài nguyên thực vật nói riêng có ý nghĩa hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên góp phần bảo vệ và phát triển kinh tế bền vững.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Là các loài thực vật bậc

cao có mạch, có giá trị sử dụng làm thuốc và chứa tinh dầu ở xã Yên Ninh, huyện Phú Lương.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp như phương pháp tuyến điều tra và ô tiêu chuẩn, phương pháp kế thừa, phương pháp thu thập và phân tích mẫu. Xác định thành phần và dạng sống từng loài: theo cuốn “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” Nxb Nông nghiệp năm 2001 [8]; Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [4]. Tài nguyên thực vật có tính dầu ở Việt Nam năm 2001, 2002 tập 1, 2 [5]. Xác định tên khoa học theo bộ Thực vật chí Việt Nam [7]; Các loài cây quý hiếm được xác định theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [1]; Nghị định 32/2006/CP (2006) [2].

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm về thực vật ở khu vực nghiên cứu

Bước đầu điều tra về hệ thực vật ở khu vực nghiên cứu dựa theo phương pháp của Hoàng Chung (năm) [3] và Nguyễn Nghĩa Thìn (năm) [6], chúng tôi đã thống kê được 287 loài thuộc 223 chi, 101 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch (Bảng 1).

Từ bảng 1 có thể thấy, thực vật bậc cao có mạch ở khu vực nghiên cứu có các ngành:

* Tel: 0915 215888

Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta), Mộc lan (Magnoliophyta). Sự phân bố taxon trong các ngành là không đồng đều mà tập trung chủ yếu ở ngành Mộc lan (Magnoliophyta) với 275 loài; 212 chi, 91 họ, kém đa dạng nhất là ngành Cỏ tháp bút và ngành Thông đất. Như

vậy, tài nguyên thực vật ở xã Yên Ninh, huyện Phú Lương đa dạng về thành phần loài và mang đầy đủ những đặc điểm đặc trưng của hệ thực vật Việt Nam. Trong 287 loài thống kê được, có 282 loài thực vật có giá trị làm thuốc chiếm 98,26% tổng số loài; thực vật chứa tinh dầu có 45 loài chiếm 15,67% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu (KVNC).

Bảng 1. Sự phân bố thực vật trong các bậc taxon ở KVNC

TT	Tên ngành		Họ		Chi		Loài	
	Tên Latinh	Tên Việt Nam	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Lycopodiophyta	Thông đất	1	0,99	1	0,45	1	0,35
2	Equisetophyta	Cỏ tháp bút	1	0,99	1	0,45	1	0,35
3	Polypodiophyta	Dương xỉ	5	4,95	6	2,69	6	2,09
4	Pinophyta	Thông	3	2,97	3	1,35	4	1,39
5	Magnoliophyta	Mộc lan	91	90,10	212	95,07	275	95,82
	Tổng		101		223		287	

Đa dạng tài nguyên thực vật làm thuốc

Đa dạng về thành phần loài của thực vật làm thuốc

Qua điều tra, chúng tôi đã thu được 282 loài thực vật thuộc 220 chi, 100 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; có giá trị sử dụng làm thuốc được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Sự phân bố thực vật làm thuốc ở KVNC

TT	Tên ngành		Họ		Chi		Loài	
	Tên Latinh	Tên Việt Nam	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Lycopodiophyta	Thông đất	1	1,00	1	0,45	1	0,35
2	Equisetophyta	Cỏ tháp bút	1	1,00	1	0,45	1	0,35
3	Polypodiophyta	Dương xỉ	5	5,00	6	2,73	6	2,13
4	Pinophyta	Thông	3	3,00	3	1,36	4	1,42
5	Magnoliophyta	Mộc lan	90	90,00	209	95,00	270	95,75
	<i>Magnoliopsida</i>	<i>Lớp Mộc Lan</i>	68		172		226	
	<i>Liliopsida</i>	<i>Lớp Hành</i>	22		37		44	
	Tổng		100		220		282	

Thực vật có giá trị làm thuốc được phân bố trong cả 5 ngành thực vật bậc cao có mạch: Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta), Mộc lan (Magnoliophyta). Tổng số thực vật có giá trị làm thuốc tới 100 họ chiếm 99,00%, 220 chi chiếm 98,65%, 282 loài chiếm 98,26% tổng số loài của toàn hệ thực vật ở KVNC. Thực vật có giá trị làm thuốc không chỉ đa dạng về ngành, mà còn đa dạng ở cả bậc họ, 46 họ có 2 loài trở lên có giá trị làm thuốc, riêng ngành Mộc Lan (Magnoliophyta) có 44 họ. Sự đa dạng của thực vật làm thuốc còn ở cả bậc chi (bảng 3).

Bảng 3. Thống kê các chi có nhiều loài làm thuốc nhất

STT	Tên chi	Tên họ	Số loài
1	<i>Ficus</i>	Moraceae	6
2	<i>Clerodendrum</i>	Verbenaceae	5
3	<i>Artemisia</i>	Asteraceae	4
4	<i>Hibiscus</i>	Malvaceae	4
5	<i>Hedyotis</i>	Rubiaceae	4

Đa dạng về thành phần dạng sống của thực vật làm thuốc

Qua điều tra, chúng tôi nhận thấy hệ thực vật làm thuốc nơi đây có phổ dạng sống khá đa dạng và phong phú. Kết hợp phương pháp nghiên cứu về phổ dạng sống thực vật của Hoàng Chung [3] và Nguyễn Nghĩa Thìn [6], chúng tôi đã phân loại dạng sống của thực vật làm thuốc gồm: Dạng thân gỗ, thân bụi, thân thảo và dạng dây leo.

Kết quả thống kê cho thấy, dạng sống thân thảo chiếm tỷ lệ cao nhất với 99 loài (chiếm 35,10%), trong đó ngành Mộc lan có tới 93 loài và được phân bố chủ yếu trong các họ thuộc lớp Mộc lan (Magnoliopsida). Dạng cây thân bụi với 75 loài (chiếm 26,60%) tổng số loài, trong đó ngành Mộc lan có 73 loài. Dạng cây thân gỗ với 65 loài.

Tóm lại, dạng sống của thực vật thuốc ở KVNC là rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên tỷ lệ giữa các dạng sống khác nhau là không đồng đều. Chiếm tỷ lệ cao nhất là dạng cây thảo với 35,10%, thứ 2 là dạng cây bụi với 26,60%, thứ ba là dạng thân gỗ với 23,05%, thứ tư là dạng thân leo với 15,25%.

Đa dạng về sinh cảnh sống của thực vật làm thuốc

Căn cứ vào địa hình, đất đai, khí hậu và sự phân bố của thực vật làm thuốc trong KVNC, chúng tôi đã thống kê số loài và phân chia thành các sinh cảnh sống sau (Bảng 4).

Như vậy, thực vật làm thuốc chủ yếu ở sinh cảnh vườn nhà, quanh bản làng, nương rẫy

với 123/282 loài (chiếm 43,62%). Bao gồm các loài thuộc họ Cúc (Asteraceae); họ Xoài (Anacardiaceae); họ Bầu bí (Cucurbitaceae); họ Bạc hà (Lamiaceae)... Ở sinh cảnh rừng có 89/282 loài, sinh cảnh đồi có 58 loài. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc thực vật làm thuốc ở đồi giảm mạnh là do bà con nhân dân nơi đây khai hoang làm nhà, làm nương, làm rẫy khiến cho diện tích đồi bị thu hẹp. Chính vì vậy chúng ta cần có biện pháp khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên cây thuốc, song song với nó cần có giải pháp bảo tồn, đặc biệt là những loài cây thuốc quý hiếm.

Đa dạng về bộ phận sử dụng của thực vật làm thuốc

Trong cây thuốc, các hợp chất và thành phần hóa học thường phân bố không đồng đều ở mỗi bộ phận của cây. Qua điều tra, chúng tôi thu được kết quả sơ bộ thể hiện ở bảng 5.

Những dẫn liệu ở bảng 5 cho thấy sự phong phú và đa dạng trong việc sử dụng các bộ phận của cây để làm thuốc. Trong đó thân cây và lá cây là hai bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 111 loài (chiếm 39,36%).

Đa dạng tài nguyên thực vật chứa tinh dầu

Đa dạng thành phần loài của thực vật chứa tinh dầu

Qua quá trình điều tra, dựa vào các tài liệu chuyên ngành liên quan đến tài nguyên thực vật có tinh dầu, chúng tôi xác định được 45 loài thuộc 30 chi, 18 họ trong ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có khả năng cho tinh dầu, còn các ngành khác chưa tìm thấy.

Bảng 4. Đa dạng về sinh cảnh sống của thực vật làm thuốc

TT	Sinh cảnh	Số loài	Tỷ lệ (%) so với tổng số loài
1	Sống ở rừng	89	31,56
2	Sống ở đồi	58	20,57
3	Sống ở vườn nhà	123	43,62
4	Sống ở ven suối	12	4,26

Bảng 5. Đa dạng về bộ phận sử dụng của cây thuốc

TT	Bộ phận sử dụng	Kí hiệu	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số loài
1	Thân	T	111	39,36%
2	Lá	L	111	39,36%
3	Rễ	R	21	7,45%
4	Cả cây	CC	50	17,73%
5	Quả	Q	32	11,35%
6	Vỏ	V	19	6,74%

Bảng 6. Đa dạng thành phần loài thực vật có chứa tinh dầu ở KVNC

Ngành/ lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngành Mộc lan (Magnoliophyta)	18	100%	30	100%	45	100%
Lớp Mộc Lan (Magnoliopsida)	12	66,67	21	70,00	33	73,33
Lớp Hành (Liliopsida)	6	33,33	9	30,00	12	26,67

Bảng 6. Sự đa dạng về dạng sống của thực vật chứa tinh dầu

Ngành Mộc lan (Magnoliophyta)	Thân gỗ		Thân bụi		Thân thảo		Thân leo	
	SL loài	So với KVNC	SL loài	So với KVNC	SL loài	So với KVNC	SL loài	So với KVNC
1. Lớp Mộc lan (Magnoliopsida)	10	14,49%	6	8,00%	15	14,85%	2	4,65%
2. Lớp Hành (Liliopsida)			1	1,33%	11	10,89%		
Tổng	10		7		26		2	

Bảng 7. Những loài thực vật quý cần được bảo tồn

T	Tên phổ thông – Tên khoa học	Cấp quy định		
		SDVN	32/NĐ-CP	DLĐCT
1	Lá khô – <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf.	VU A1a,c,d+2d		
2	Cốt khí củ - <i>Reynoutria japonica</i> Houtt	R		
3	Dây kí ninh – <i>Tinospora crispa</i> (L.) Miers	K		
4	Hoàng tinh hoa trắng – <i>Disporopsis longifolia</i> Craib	VU A1c,d	IIA	EN A2a,c,d
5	Hà thủ ô đỏ - <i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	VU A1c,d		EN A3a,c,d
6	Rau sắng – <i>Melientha suavis</i> Pierre	VU B1+2e		
7	Tắc kè đá bon – <i>Drynaria bonii</i> H. Christ	VU A1a,c,d		VU A1c,d
8	Thiên niên kiện lá lớn – <i>Homalomena gingantea</i> Engl.	VU A1c,d1+2b,c		EN A1c,d.B2a,b
9	Hoàng đằng - <i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.		IIA	
10	Kim tuyến đá vôi – <i>Anoectochilus calcareus</i> Aver.	EN A1d	IA	
11	Trầm dó - <i>Aquilaria crassna</i> Pirre ex Lecomte	EN A1a,c,d, B1+2b,c,e		EN A1c,d
12	Gù hương – <i>Cinamomum balansae</i> Lecomte.	VU A1c	IIA	
13	Vù hương - <i>Cinamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	CR A1a,c,d	IIA	
14	Trọng lâu nhiều lá - <i>Paris polyphylla</i> Smith.	EN A1c,d		EN B2a,b
15	Sâm mừng toi - <i>Tanilum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn.			VU A1a,c,d
16	Bình vôi hoa đầu - <i>Stephania cepharantha</i> Hayata	EN A1a,b,c,d	IIA	CR B2a,b

Lớp Mộc lan (Magnoliopsida) có 12 họ 21 chi và 33 loài thực vật có chứa tinh dầu ở KVNC. Lớp Hành (Liliopsida) có 6 họ, 9 chi và 12 loài có tinh dầu.

Về bậc họ, ở lớp Mộc lan (Magnoliopsida) số họ có từ 2 loài trở lên có 7 họ (họ Cam (Rutaceae) có 4 loài, họ Cúc (Asteraceae) có 12 loài.

Đa dạng về dạng sống của thực vật có chứa tinh dầu

Cũng giống như ở thực vật làm thuốc, thực vật có chứa tinh dầu ở xã Yên Ninh cũng có 4

nhóm dạng sống cơ bản: Thân gỗ, thân bụi, thân thảo và thân leo (Bảng 6).

Thực vật chứa tinh dầu có dạng sống chủ yếu là thân thảo với 15 loài, chiếm 57,78%, thân gỗ có 10 loài chiếm 22,22%, thân bụi có 6 loài và thân leo có 2 loài.

Đa dạng về sinh cảnh sống của thực vật chứa tinh dầu

Kết quả điều tra cho thấy thực vật có chứa tinh dầu có sinh cảnh sống khá đa dạng, tập trung nhiều nhất là ở vườn nhà, quanh bản làng với 28 loài như: Riềng (*Alpinia*

officinarum), Giấp cá (*Houttuynia cordata*), Sả chanh (*Cymbopogon citratus*), Hẹ (*Allium odorum*), Lá lốt (*Piper lolot*), Nghệ (*Curcuma longa*)... Thực vật thuộc nhóm này chủ yếu được sử dụng làm gia vị, rau ăn hàng ngày nên chúng được trồng phổ biến ở gần nhà để tiện cho quá trình sử dụng.

Những loài thực vật quý cần được bảo tồn

Qua quá trình điều tra, dựa theo các tài liệu như: Sách đỏ Việt Nam - phần Thực vật [1], Nghị định 32/2006/NĐ - CP của Chính phủ (2006) [16], chúng tôi đã thống kê được 16 loài thực vật thuộc diện cần bảo vệ (bảng 7).

KẾT LUẬN

Nguồn tài nguyên thực vật làm thuốc và có tinh dầu ở khu vực nghiên cứu khá phong phú và đa dạng, với 287 loài thuộc 223 chi, 101 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch:

Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta. Trong đó ngành Magnoliophyta có số lượng loài lớn nhất với 275 loài; 212 chi và 91 họ.

Thực vật làm thuốc không chỉ đa dạng về thành phần loài (282 loài, 221 chi, 100 họ) mà còn đa dạng về dạng sống với 4 nhóm dạng sống: Thân gỗ, thân thảo, thân bụi và thân leo, trong đó, dạng sống thân thảo là dạng sống chiếm ưu thế nhất (99 loài). Thực vật làm thuốc không chỉ đa dạng về thành phần loài, thành phần dạng sống mà còn đa dạng về cách sử dụng và bộ phận sử dụng.

Ở khu vực nghiên cứu đã xác định được 45 loài thực vật có chứa tinh dầu, phân bố trong 30 chi, 18 họ của ngành Mộc lan (Magnoliophyta). Thực vật có tinh dầu cũng

khá đa dạng về dạng sống và sinh cảnh. Có 4 nhóm dạng sống cơ bản là thân gỗ, thân thảo, thân bụi và thân leo, dạng sống thân thảo chiếm ưu thế với 26 loài. Sinh cảnh sống của thực vật có tinh dầu nhiều nhất là ở vườn nhà với 28 loài, ở rừng có 10 loài, ở đồi có 4 loài, ít nhất ở ven suối với 3 loài.

Ở khu vực nghiên cứu, bước đầu chúng tôi đã thống kê được 16 loài thực vật quý hiếm thuộc diện cần bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam – Phần II Thực vật, Nghị định 32/2006/NĐ - CP của Chính phủ (2006).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và công nghệ (2007), *Sách đỏ Việt Nam* (phần II. Thực vật), Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định 32/2006/CP – ND về nghiêm cấm, hạn chế khai thác và sử dụng các loài động thực vật hoang dã*.
3. Hoàng Chung (2006), *Các phương pháp nghiên cứu quần xã học Thực vật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, in lần thứ 13, Nxb Y học, Hà Nội.
5. Lê Đình Mỡ và cộng sự (2001), *Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam*, tập 1,2, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Nxb Nông nghiệp.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam (2011), *Bộ Thực vật chí Việt Nam*, Nxb khoa học & kỹ thuật
8. Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường – Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật – Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (2001 - 2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập 1 – 3, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

SUMMARY

**ASSESSMENT OF DIVERSIFIED NATURAL RESOURCES
OF PLANTS AND PLANTS IN YEN NINH COMMUNE,
PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE****Đinh Thị Phương^{1*}, Nguyễn Thị Diem Hang²**¹TNU - University of Education,²Thai Nguyen Department of Education and Training

This article presents the results of research on medicinal plant and medicinal plant resources in Yen Ninh commune, Phu Luong district, Thai Nguyen province. There are 287 species, 223 genera, 101 families belonging to 5 vascular plant species: Lycopodiophyta, Equisetophyta, fern (Polypodiophyta, Pinophyta, Magnoliophyta. Of which, 282 species of medicinal plants (accounting for 98.26%), 221 genera, 100 families belonging to 5 vascular plant kingdoms, 45 plant species containing essential oils, distributed in 30 genera, 18 families of magnolia (Magnoliophyta). Phytoplankton species have four basic life forms (woody, herbaceous, bushy, and trunk), in which the herbaceous species dominates. In the study area, 16 rare and precious plant species have been identified.

Keywords: *Medicinal plants, plants containing essential oils, plant diversity, rare plants*

Ngày nhận bài: 20/3/2018; Ngày phản biện: 28/3/2018; Ngày duyệt đăng: 27/4/2018

* Tel: 0915 215888